

CÔNG TY CỔ PHẦN GRAND YOURHOMES
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GRAND YOURHOMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GRAND YOURHOMES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GYH

2. Mã số doanh nghiệp: 0110703502

3. Ngày thành lập: 04/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 26, Tòa CEO, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906282280

Fax:

Email: grandyourhomes@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm động vật, thực vật Nhà nước cấm)	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim; loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
28.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa theo quy định pháp luật	8299
32.	Đào tạo sơ cấp	8531
33.	Đào tạo trung cấp	8532
34.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
35.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
36.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động tôn giáo, đảng, đoàn thể)	8559

37.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
38.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
39.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
40.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
41.	Hoạt động thể thao khác	9319
42.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
43.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
44.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
45.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
46.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
47.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
48.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
49.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
50.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
51.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
52.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
53.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
58.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
59.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...)	6399
60.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
61.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
62.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Tư vấn xác định giá đất	6820(Chính)
64.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
65.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình - Kiểm định xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thiết kế, giám sát, thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình - Đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn đấu thầu - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng - Quản lý chất lượng xây dựng công trình - Lập dự án đầu tư xây dựng - Khảo sát xây dựng (Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất xây dựng; khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình) - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện - Tư vấn thiết kế công trình nhà máy thủy điện; Tư vấn thiết kế công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời; Tư vấn thiết kế công trình nhà máy nhiệt điện; tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp; tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện; tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời	7110

66.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7120
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
70.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
73.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
74.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
76.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ Hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
77.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, tư vấn tài chính, chứng khoán)	7490
78.	Cho thuê xe có động cơ	7710
79.	Bán buôn tổng hợp	4690
80.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
81.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
83.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
84.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
85.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
86.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
87.	In ấn (Theo quy định của pháp luật)	1811
88.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

89.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
91.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
92.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
93.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
94.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
95.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá và loại trừ Bán lẻ vàng; bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)	4789
96.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
97.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
98.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
99.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
100.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
102.	Vận tải đường ống	4940
103.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
104.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
105.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
108.	Bốc xếp hàng hóa	5224
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
111.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

112.	Cơ sở lưu trú khác	5590
113.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
114.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
115.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
116.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
117.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
118.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
119.	Hoạt động hậu kỳ	5912
120.	Hoạt động chiếu phim	5914
121.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng - Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông - Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	6190
122.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
123.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
124.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
125.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
126.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	7810
127.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7820
128.	Đại lý du lịch	7911
129.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
131.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
132.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
133.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
134.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

135.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
136.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
137.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
138.	Xây dựng nhà để ở	4101
139.	Xây dựng nhà không để ở	4102
140.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
141.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
142.	Xây dựng công trình điện	4221
143.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
144.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
145.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
146.	Xây dựng công trình thủy	4291
147.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
148.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
149.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
150.	Phá dỡ	4311
151.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
152.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
153.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
154.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
155.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
156.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
157.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
158.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
159.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
160.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
161.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

162.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
163.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
164.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ bán lẻ thuốc)	4772
165.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÀI SẢN SAO VÀNG HOLDINGS	Tầng 26, Toà nhà CEO, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0109136136	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

2	ĐẶNG ĐÌNH NAM	thôn Đức Hậu, Xã Đức Hoà, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	001090023214
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000	
3	NGUYỄN HỮU TÙNG	Xóm Chùa, KP Hồi Quan, Phường Tương Giang, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	027094002723
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000	
4	TRẦN VIỆT SON	TDP Số 17, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	027083000419
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000	

5	BÙI VĂN LUẬT	4 ngõ 51 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	035088000298	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		
6	PHẠM VĂN TUYỀN	Số 1B dãy Tdtt An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	025086000280	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027094002723

Ngày cấp: 29/03/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Chùa, KP Hôi Quan, Phường Tương Giang, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Chùa, KP Hôi Quan, Phường Tương Giang, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội